

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH

1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 26 – 10 – 2023

V/v: *Kiến xin ly hôn, nuôi con chung*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Văn

Bà Dương Thị Hồng Liên

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Trong ngày 26 tháng 10 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 90/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2023 về “Kiến xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 150/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn S, xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn S, xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt không có lý do lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Về quan hệ hôn nhân:*

* Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 29/8/2023, được bổ sung tại bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu N trình bày: Chị và anh Nguyễn Ngọc L có đăng ký kết hôn vào ngày 05/5/2011 tại UBND xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được một thời gian. Đến năm 2016 hai vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách trái ngược nhau dẫn đến vợ chồng cãi vã, xúc phạm nhau. Nên chị đã bỏ con về nhà ngoại, từ đó đến nay hai vợ chồng mỗi người một nơi, không ai quan

tâm đến ai, không chăm sóc nhau nữa. Hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn thương yêu nhau nữa. Mục đích hôn nhân không đạt được nên chị vẫn giữ nguyên ý kiến xin được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc L, mong Tòa án giải quyết.

- Về nuôi con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung cháu Nguyễn Ngọc Hoàng Q, sinh ngày 10/01/2012; cháu Nguyễn Hoàng Minh A, sinh ngày: 27/9/2016 hiện nay các cháu đang sinh sống với chị và anh L. Nguyên vọng sau khi ly hôn chị xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai cháu Hoàng Q và Minh A và tự nguyện không yêu cầu anh L đóng góp cấp dưỡng nuôi con vì anh L hiện nay công việc không ổn định.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị N trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 15/8/2023 bị đơn anh Nguyễn Ngọc L trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Thu N có đăng ký kết hôn vào ngày 05/5/2011 tại UBND xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Kết hôn trên tinh thần tự nguyện, quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Nhưng đến năm 2019 có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do kinh tế khó khăn dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Nhưng anh L thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, có thể khắc phục được. Nay chị N làm đơn xin ly hôn, nguyện vọng anh L xin được đoàn tụ để nuôi dạy con cái trưởng thành.

- Về nuôi con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung cháu Nguyễn Ngọc Hoàng Q, sinh ngày 10/01/2012; cháu Nguyễn Hoàng Minh A, sinh ngày: 27/9/2016 hiện nay cháu Q đang ở với anh, cháu Minh A đang ở với chị N. Nếu ly hôn, nguyện vọng của anh xin được nuôi cháu Q và giao cháu A cho chị N nuôi dưỡng, không ai phải đóng góp tiền nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh L1 trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý, Toà án đã triệu tập các bên đương sự làm bản tự khai, ra thông báo về phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Tại các phiên hoà giải, các bên không thoả thuận được về vấn đề tình cảm. Toà án đã tạo điều kiện về thời gian để vợ chồng tìm phương án khắc phục mâu thuẫn, cố gắng hoà giải để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, anh L1 liên tục vắng mặt, không đến Toà án để được hoà giải. Toà án đã lập biên bản về việc không thể tiến hành hoà giải được. Vụ án thuộc trường hợp hoà giải không thành nên Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tiến hành tổng đạt và niêm yết các thủ tục tố tụng cho các bên đương sự nhằm đảm bảo quyền được biết việc Tòa án giải quyết ly hôn và quyền được tham gia tố tụng tại Tòa án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Chị Nguyễn Thị Thu N có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới giải quyết ly hôn theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự là nơi bị đơn anh Nguyễn Ngọc L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn S, xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Căn cứ vào điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự:

[1.2.1] Đối với bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Ngọc L đã đến Toà án làm bản tự khai. Tuy nhiên, sau khi Toà án ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải và tổng đạt hợp lệ cho các bên đương sự nhưng anh L liên tục vắng mặt, không đến Toà án để được hoà giải. Toà án đã lập biên bản về việc không thể tiến hành hòa giải được. Ngày 12/9/2023, Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2023/QĐST-HNGĐ đưa vụ án ra xét xử vào ngày 29/9/2023 và tiến hành tổng đạt cho các bên đương sự trong vụ án, đối với anh L Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết tại nhà văn hóa thôn S và trụ sở UBND xã B, thành phố Đ theo quy định. Tại phiên tòa ngày 29/9/2023, anh L vắng mặt không có lý do. Do đó, HĐXX ra Quyết định hoãn phiên tòa số: 150/2023/QĐST-HNGĐ, ấn định thời gian xét xử vào ngày 26/10/2023 và tiến hành thủ tục niêm yết đối với bị đơn theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Nguyễn Ngọc L tiếp tục vắng mặt, tức là bị đơn cố tình từ bỏ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 68, 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

[1.2.2] Đối với nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu N là nguyên đơn, chị đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt được chính quyền địa phương xác nhận.

Từ các mục [1.2.1]; [1.2.2] Căn cứ quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Thu N và anh Nguyễn Ngọc L đã xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 05/5/2011 tại Ủy ban nhân dân xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 31/2011, quyển số 01/2010, nên đây là một cuộc hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Mặc dù sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn nhưng đáng lẽ anh chị phải biết thương yêu, chung thủy, nhường nhịn, tôn trọng nhau, cùng nhau chia sẻ khó khăn xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng ngược lại, anh chị đã không làm được điều đó để giữ gìn hôn nhân bền vững, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng ngày

càng tăng. Nguyên nhân chủ yếu do anh chị bất đồng quan điểm do tính cách trái ngược nhau, nên dẫn đến vợ chồng cãi vã, xúc phạm nhau, anh chị đã sống ly thân thời gian khoảng 07 năm, không quan tâm đến nhau. Tại bản tự khai, anh L có nguyện vọng vợ chồng khắc phục mâu thuẫn, đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng sau đó không đến Tòa để được hòa giải và không có biện pháp gì để níu kéo hạnh phúc. Điều này chứng tỏ rằng mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng không thể khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể sống chung hạnh phúc nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị Thu N được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc L là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung:

Theo trình bày của chị Nguyễn Thị Thu N và anh Nguyễn Ngọc L thì quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Hoàng Q, sinh ngày 10/01/2012; cháu Nguyễn Hoàng Minh A, sinh ngày: 27/9/2016. Chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 02 con chung sau ly hôn. Anh L1 có nguyện vọng được nuôi cháu Hoàng Q, giao cháu Minh A cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, không ai đóng góp nuôi dưỡng nuôi con cho nhau. Nguyên vọng nuôi con là chính đáng, tuy nhiên các cháu Hoàng Q, Minh A đều sống với mẹ từ nhỏ, được chị N chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tại các bản ghi ý kiến nguyện vọng thì hai cháu Hoàng Q, M anh đều có nguyện vọng được sống với mẹ, vì vậy cần sự chăm sóc của người mẹ để đảm bảo sự phát triển tâm sinh lý của các con. Chị N có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, có khả năng để nuôi con. Nên cần giao cả 02 con chung cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp. Do vậy, để ổn định cuộc sống và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung, cần giao cho chị Nguyễn Thị Thu N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Hoàng Minh A và cháu Nguyễn Ngọc H Q theo quy định tại Điều 58, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị N cam kết đủ khả năng để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên chị tự nguyện không yêu cầu anh L1 phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Nguyễn Thị Thu N, anh Nguyễn Ngọc L có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn theo quy định tại các Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về chia tài sản và nợ chung:

Theo trình bày của chị Nguyễn Thị Thu N thì vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết. Tại bản tự khai, anh Nguyễn Ngọc L không có ý kiến gì về tài sản và quá trình giải quyết vụ án, anh L cũng không có ý kiến cũng không gửi văn bản, yêu cầu gì về vấn đề tài sản chung của vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 31AA/2021/0001643 ngày 16/8/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ: Anh Nguyễn Ngọc L không phải chịu nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 147 BLTTDS; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu N được ly hôn anh Nguyễn Ngọc L.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Hoàng Q, sinh ngày 10/01/2012; cháu Nguyễn Hoàng Minh A, sinh ngày: 27/9/2016 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu Hoàng Q, cháu Minh A xin được ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn. Ghi nhận sự tự nguyện của chị N về việc không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được ngăn cản người đó thực hiện quyền này.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi người có yêu cầu được quy định tại Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi về việc cấp dưỡng.

3. Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu N phải chịu 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 31AA/2021/0001643 ngày 16/8/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ: Anh Nguyễn Ngọc L không phải chịu nộp.

4. *Về quyền kháng cáo:* Án xử công khai, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hạn trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- UBND xã BN, TP. Đồng Hới;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Minh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Hội thẩm nhân dân)

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Dương Thị Hồng Liên Trần Xuân V

Nguyễn Thị Tuyết M1

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Tuyết Minh